



**LUẬT SỐ 2000-230 NGÀY 13/3/2000 SỬA ĐỔI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
VỀ CHỨNG CỨ CHO PHÙ HỢP VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN VÀ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**

Luật này đã được Nghị viện và Hạ viện thông qua,

Và được Tổng thống nước Cộng hoà Pháp công bố với nội dung như sau :

Điều 1

I. Điều 1316 Bộ luật dân sự trở thành điều 1315-1.

II. Các phân 1, 2, 3, 4 và 5 Mục 1 Chương XV Thiên III Quyển III Bộ luật dân sự trở thành các đoạn 2, 3, 4, 5 và 6.

III. Bổ sung vào trước phân 2 Mục 1 Chương XV Thiên III Quyển III Bộ luật dân sự, phân 1 với tiêu đề "Các quy định chung", bao gồm các điều từ 1316 đến 1316-2 quy định như sau :

Điều 1316. Chứng cứ viết là một loạt các chữ cái, chữ số hoặc các dấu hiệu, biểu tượng khác có ý nghĩa rõ ràng và được thể hiện trên bất cứ phương tiện nào và được chuyển tải theo bất cứ phương thức nào.

Điều 1316-1. Văn bản dưới dạng điện tử được chấp nhận là chứng cứ như văn bản trên giấy, với điều kiện văn bản đó phải cho phép xác định danh tính của người lập văn bản và được lập và lưu giữ trong những điều kiện đảm bảo sự toàn vẹn của văn bản.

Điều 1316-2. Toà án giải quyết xung đột về chứng cứ viết trên cơ sở xác định văn bản nào có tính xác thực nhất, dù được thể hiện trên bất cứ phương tiện nào, nếu pháp luật không có quy định khác và các bên không có thoả thuận khác.

Điều 2

Bổ sung vào điều 1317 Bộ luật dân sự một khoản như sau :

Văn bản có thể được lập trên phương tiện điện tử với điều kiện phải tuân thủ các quy định của Chính phủ về việc lập và lưu giữ văn bản.

Điều 3

Sau điều 1316-2 Bộ luật dân sự, bổ sung điều 1316-3 như sau :

Điều 1316-3. Văn bản trên phương tiện điện tử có giá trị chứng minh tương tự như văn bản trên giấy.

Điều 4

Sau điều 1316-3 Bộ luật dân sự, bổ sung điều 1316-4 như sau :

Điều 1316-4. Chữ ký để hoàn thiện một văn bản pháp lý nhằm xác định người ký văn bản. Chữ ký thể hiện sự đồng ý của các bên đối với những nghĩa vụ phát sinh từ văn bản được ký. Chữ ký của uỷ viên công quyền đảm bảo tính xác thực của văn bản.

Chữ ký điện tử là việc sử dụng một phương thức tin cậy cho phép xác định danh tính của người ký, đảm bảo sự liên hệ giữa chữ ký với văn bản được ký. Phương thức ký này được suy đoán là đáng tin cậy cho đến khi có chứng cứ ngược lại, với điều kiện chữ ký điện tử phải được thiết lập và căn cứ của người lập chữ ký và tính toàn vẹn của văn bản phải được bảo đảm theo các quy định của Chính phủ.

Điều 5

Tại điều 1326 Bộ luật dân sự, cụm từ "bởi chính tay mình" được thay thế bằng cụm từ "bởi chính mình".

Điều 6

Luật này cũng được áp dụng tại Nouvelle-Calédonie, Polynésie, Wallis-et-Futuna và Mayotte.

Tổng thống

Jacques Chirac

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 2001-272 NGÀY 30/3/2001 CỦA THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ HƯỚNG DẪN THI HÀNH
ĐIỀU 1316-4 BỘ LUẬT DÂN SỰ VỀ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**

Thủ tướng Chính phủ

Theo đề nghị của Bộ trưởng Tư pháp,

Căn cứ Chỉ thị số 1999/93/CE ngày 13/12/1999 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu về chữ ký điện tử,

Căn cứ các điều từ 1316 đến 1316-4 Bộ luật dân sự,

Căn cứ điều 28 Luật sửa đổi số 90-1170 ngày 29/12/1990 về viễn thông,

Sau khi lấy ý kiến của Tham chính viện,

Nghị định

Điều 1. Theo Nghị định này,

1. "Chữ ký điện tử" là một dữ liệu có được từ việc sử dụng một phương thức đáp ứng các điều kiện quy định tại câu đầu tiên khoản 2 điều 1316-4 Bộ luật dân sự ;
2. "Chữ ký điện tử an toàn" là chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện sau :
 - Thuộc về riêng người lập chữ ký ;
 - Được thiết lập bởi những phương tiện mà người lập chữ ký có thể lưu giữ và kiểm soát tuyệt đối ;
 - Đảm bảo giữa chữ ký và văn bản được ký một sự liên hệ mà mọi sửa đổi sau này trên văn bản đều có thể bị phát hiện.
3. "Người lập chữ ký" là mọi cá nhân, với tư cách cá nhân hoặc đại diện cho một pháp nhân hoặc cá nhân khác, sử dụng một thiết bị lập chữ ký điện tử ;
4. "Các dữ liệu thiết lập chữ ký điện tử" là các yếu tố thuộc về riêng người lập chữ ký như mã khoá tư, được người lập chữ ký sử dụng để thiết lập chữ ký điện tử ;
5. "Thiết bị lập chữ ký điện tử" là thiết bị hoặc phần mềm dùng để ứng dụng các dữ liệu thiết lập chữ ký điện tử ;
6. "Thiết bị an toàn lập chữ ký điện tử" là thiết bị lập chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản I điều 3 ;

7. "Dữ liệu kiểm tra chữ ký điện tử" là các yếu tố như mã khoá công được sử dụng để kiểm tra chữ ký điện tử ;
8. "Thiết bị kiểm tra chữ ký điện tử" là thiết bị hoặc phần mềm dùng để ứng dụng các dữ liệu kiểm tra chữ ký điện tử ;
9. "Giấy xác nhận chữ ký điện tử" là tài liệu được lập dưới dạng điện tử để chứng nhận sự liên hệ giữa các dữ liệu kiểm tra chữ ký điện tử và người lập chữ ký điện tử ;
10. "Giấy xác nhận chữ ký điện tử bảo đảm" là giấy xác nhận chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 6 ;
11. "Nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử" là bất cứ người nào cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử hoặc cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến chữ ký điện tử ;
12. "Giấy chứng nhận chất lượng của dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử" là văn bản do một bên thứ ba, gọi là cơ quan đánh giá chất lượng, lập ra để chứng nhận là nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử đã đáp ứng các điều kiện đặc biệt về chất lượng dịch vụ.

Điều 2. Chữ ký điện tử được suy đoán là đáng tin cậy cho đến khi có chứng cứ ngược lại, với điều kiện chữ ký này phải là chữ ký điện tử an toàn, được thiết lập bằng một thiết bị an toàn và được kiểm tra trên cơ sở sử dụng giấy xác nhận chữ ký điện tử bảo đảm.

Chương I

Các thiết bị an toàn lập chữ ký điện tử

Điều 3. Thiết bị lập chữ ký điện tử có thể được coi là an toàn nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản I và được xác nhận phù hợp với các điều kiện này theo quy định tại khoản II.

I. Thiết bị an toàn lập chữ ký điện tử phải :

1. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật và các trình tự thích hợp để đảm bảo các dữ liệu thiết lập chữ ký điện tử :

- a) Chỉ được thiết lập một lần và được đảm bảo bí mật ;
- b) Không thể tìm thấy bằng cách suy đoán và chữ ký điện tử không thể bị giả mạo ;
- c) Có thể được bảo vệ một cách thích đáng bởi người lập chữ ký để người thứ ba không thể sử dụng.

2. Không làm sai nội dung văn bản được ký và không ngăn cản người lập chữ ký biết chính xác nội dung văn bản trước khi ký.

II. Thiết bị an toàn lập chữ ký điện tử phải được xác nhận phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản I :

1. Bởi các cơ quan của Thủ tướng Chính phủ phụ trách vấn đề an toàn của các hệ thống thông tin, sau khi các đơn vị được các cơ quan này cấp phép đã tiến hành đánh giá theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc cấp giấy xác nhận phù hợp được tiến hành theo thủ tục công khai ;
2. Hoặc bởi một cơ quan do một nước thành viên Cộng đồng châu Âu chỉ định.

Điều 4. Việc kiểm tra các thủ tục đánh giá và xác nhận quy định tại mục 1 khoản II điều 3 do một uỷ ban chỉ đạo việc xác nhận thực hiện ; uỷ ban này được thành lập bên cạnh Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, thành phần của uỷ ban này, thủ tục xác nhận, đánh giá các thiết bị lập chữ ký điện tử theo quy định tại khoản trên cũng như các thủ tục cấp phép hoạt động cho các cơ quan đánh giá chất lượng. Thủ tướng Chính phủ quy định nghĩa vụ của các cơ quan này và các điều kiện nộp và thẩm tra đơn yêu cầu xác nhận phù hợp.

Chương II

Các thiết bị kiểm tra chữ ký điện tử

Điều 5. Thiết bị kiểm tra chữ ký điện tử có thể được đánh giá và xác nhận theo các thủ tục nêu tại điều 4, nếu đáp ứng các điều kiện sau đây :

- a) Các dữ liệu kiểm tra chữ ký điện tử phải là những dữ liệu được thông báo cho người sử dụng thiết bị kiểm tra, gọi là "người kiểm tra" ;
- b) Việc kiểm tra chữ ký điện tử phải được thực hiện trong những điều kiện đảm bảo tính chính xác của việc kiểm tra và kết quả kiểm tra phải được thông báo cho người kiểm tra mà không bị sai lệch ;
- c) Nếu cần, người kiểm tra có thể xác định chắc chắn nội dung của các dữ liệu được ký ;
- d) Các điều kiện và thời hạn hiệu lực của giấy xác nhận chữ ký điện tử được sử dụng để kiểm tra chữ ký điện tử, phải được kiểm tra và kết quả kiểm tra phải được thông báo cho người kiểm tra mà không bị sai lệch ;
- e) Căn cước của người lập chữ ký phải được thông báo cho người kiểm tra mà không bị sai lệch ;
- f) Trong trường hợp sử dụng bí danh thì phải thông báo rõ ràng cho người kiểm tra ;
- g) Mọi sửa đổi có ảnh hưởng đến các điều kiện kiểm tra chữ ký điện tử phải được phát hiện.

Chương III

Giấy xác nhận chữ ký điện tử bảo đảm

và nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử

Điều 6. Giấy xác nhận chữ ký điện tử chỉ được coi là bảo đảm nếu có các nội dung nêu tại khoản I điều này và được cấp bởi một nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản II điều này.

I. Giấy xác nhận chữ ký điện tử bảo đảm phải có các nội dung sau :

- a) Nêu rõ giấy xác nhận này là giấy xác nhận chữ ký điện tử bảo đảm ;
- b) Căn cước của nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử và quốc gia nơi đặt trụ sở của nhà cung cấp đó ;
- c) Họ, tên của người lập chữ ký điện tử, nếu là bí danh thì cũng phải được ghi rõ ;
- d) Nếu cần, phải nêu rõ tư cách của người lập chữ ký, tùy thuộc mục đích sử dụng giấy xác nhận chữ ký điện tử ;
- e) Các dữ liệu kiểm tra chữ ký điện tử tương ứng với các dữ liệu thiết lập chữ ký điện tử ;
- f) Thời điểm bắt đầu và kết thúc hiệu lực của giấy xác nhận chữ ký điện tử ;
- g) Mã số của giấy xác nhận chữ ký điện tử ;
- h) Chữ ký điện tử an toàn của nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử ;
- i) Nếu cần, các điều kiện sử dụng giấy xác nhận chữ ký điện tử, đặc biệt là giá trị tối đa của các giao dịch có thể sử dụng giấy xác nhận này.

II. Nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau :

- a) Chứng minh chất lượng tin cậy của các dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử mà mình cung cấp ;
- b) Đảm bảo việc niên giám, thống kê giấy xác nhận chữ ký điện tử đã được cấp, vì lợi ích của những người được cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử ;
- c) Đảm bảo cho người được cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử được từ bỏ ngay lập tức giấy xác nhận này ;
- d) Đảm bảo xác định một cách chính xác ngày, giờ cấp và từ bỏ giấy xác nhận chữ ký điện tử ;

- e) Có một đội ngũ nhân viên có hiểu biết, kinh nghiệm và trình độ cần thiết để cung cấp các dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử ;
- f) Áp dụng các thủ tục an toàn thích hợp ;
- g) Sử dụng các hệ thống và sản phẩm bảo đảm an toàn kỹ thuật và an toàn mật mã ;
- h) Đưa ra các quy định cần thiết để phòng ngừa việc giả mạo giấy xác nhận chữ ký điện tử ;
- i) Nếu cung cấp cho người lập chữ ký các dữ liệu thiết lập chữ ký điện tử thì phải đảm bảo bí mật của các dữ liệu này và không được lưu giữ hoặc sao chép các dữ liệu đó ;
- j) Trong trường hợp cung cấp cả dữ liệu thiết lập và dữ liệu kiểm tra chữ ký điện tử thì phải đảm bảo các dữ liệu thiết lập tương ứng với các dữ liệu kiểm tra ;
- k) Có thể lưu giữ dưới dạng điện tử mọi thông tin về giấy xác nhận chữ ký điện tử có thể có giá trị chứng minh trước Tòa án về việc xác nhận chữ ký điện tử ;
- l) Sử dụng các hệ thống lưu giữ giấy xác nhận chữ ký điện tử đảm bảo các điều kiện sau :
 - Chỉ những người được nhà cung cấp dịch vụ cho phép mới được phép nhập và sửa đổi dữ liệu ;
 - Không người nào khác được tra cứu giấy xác nhận chữ ký điện tử mà không có sự đồng ý của người được cấp giấy xác nhận ;
 - Có thể phát hiện mọi sửa đổi phương hại đến sự an toàn của hệ thống ;
- m) Kiểm tra căn cước của người được cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử bằng cách yêu cầu người này xuất trình một văn bản chính thức cho phép xác định căn cước của họ ; đồng thời, kiểm tra tư cách của người được cấp giấy xác nhận và lưu giữ những đặc điểm, số hiệu của các tài liệu được xuất trình để chứng minh căn cước và tư cách của người này ;
- n) Tại thời điểm cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử, đảm bảo :
 - Các thông tin trong giấy này là chính xác ;
 - Người lập chữ ký được xác định trong giấy xác nhận, có các dữ liệu thiết lập chữ ký điện tử tương ứng với các dữ liệu kiểm tra chữ ký điện tử ghi trong giấy xác nhận ;
- o) Trước khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử, phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử :
 - Các thể thức và điều kiện sử dụng giấy xác nhận ;

- Về việc đã tiến hành hay không tiến hành quy trình yêu cầu công nhận chất lượng dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử theo quy định tại điều 7 ;
- Các phương thức khiếu nại và giải quyết tranh chấp ;

p) Cung cấp cho những người có giấy xác nhận chữ ký điện tử các thông tin quy định tại điểm o nếu thấy cần thiết.

Điều 7. Nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 6 có thể yêu cầu được công nhận chất lượng dịch vụ.

Giấy chứng nhận chất lượng này công nhận dịch vụ của nhà cung cấp phù hợp với các điều kiện quy định và được cấp bởi các đơn vị nhận uỷ quyền của một cơ quan được chỉ định theo quyết định của Bộ trưởng phụ trách công nghiệp. Trước khi cấp giấy chứng nhận chất lượng, các đơn vị nhận uỷ quyền này phải tiến hành đánh giá theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định của Bộ trưởng phụ trách công nghiệp nêu tại khoản trên quy định thủ tục uỷ quyền cho các đơn vị đánh giá chất lượng và thủ tục đánh giá, công nhận chất lượng dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử.

Điều 8. Giấy xác nhận chữ ký điện tử được cấp bởi một nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử có trụ sở tại một nước không thuộc Cộng đồng châu Âu, có giá trị pháp lý tương tự như giấy xác nhận do một nhà cung cấp dịch vụ có trụ sở tại một nước thành viên Cộng đồng châu Âu, nếu :

- a) Nhà cung cấp dịch vụ đó đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản II điều 6 và đã được uỷ quyền theo quy định của Chỉ thị ngày 13/12/1999 để hoạt động tại một nước thành viên của Cộng đồng châu Âu ;
- b) Hoặc giấy xác nhận chữ ký điện tử do nhà cung cấp dịch vụ đó cấp đã được bảo đảm bởi một nhà cung cấp dịch vụ có trụ sở trong Cộng đồng châu Âu và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản II điều 6 ;
- c) Hoặc Cộng đồng châu Âu đã tham gia vào một thoả thuận trong đó có quy định như vậy.

Điều 9.

I. Khi có ý định cấp giấy xác nhận chữ ký điện tử bảo đảm, nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử phải nêu rõ điều đó trong đơn khai báo về việc cung cấp các dịch vụ mã hoá theo quy định tại điều 28 Luật ngày 29/12/1990.

II. Các nhà cung cấp dịch vụ nêu tại khoản I chịu sự kiểm tra của các cơ quan công quyền do Thủ tướng Chính phủ chỉ định và hoạt động dưới quyền quản lý của các cơ quan của Thủ tướng Chính phủ phụ trách vấn đề an toàn của các hệ thống thông tin.

Việc kiểm tra này nhằm đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại điều 6. Việc kiểm tra có thể được chủ động tiến hành hoặc được tiến hành khi có khiếu nại về hoạt động của một nhà cung cấp dịch vụ xác nhận chữ ký điện tử.

Nếu trong quá trình kiểm tra mà phát hiện nhà cung cấp dịch vụ không đáp ứng các điều kiện quy định thì các cơ quan của Thủ tướng Chính phủ phụ trách vấn đề an toàn của các hệ thống thông tin phải tiến hành công bố kết quả kiểm tra và, trong trường hợp nhà cung cấp dịch vụ đó đã được công nhận chất lượng dịch vụ theo quy định tại điều 7, thì phải thông báo cho cơ quan đánh giá chất lượng dịch vụ.

Trước khi quyết định áp dụng các biện pháp quy định tại khoản trên, phải tiến hành thủ tục tranh tụng để nhà cung cấp dịch vụ đưa ra ý kiến của mình.

Chương IV

Các quy định khác

Điều 10. Nghị định này cũng được áp dụng tại Nouvelle-Calédonie, Polynésie, Wallis et Futuna và Mayotte.

Điều 11. Bộ trưởng phụ trách kinh tế, tài chính và công nghiệp, Bộ trưởng tư pháp, Bộ trưởng nội vụ, Quốc vụ khanh về các lãnh thổ hải ngoại và Quốc vụ khanh về công nghiệp, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nghị định này sẽ được công bố trên Công báo nước Cộng hòa Pháp.

Thủ tướng Chính phủ

Lionel Jospin

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 2002-535 NGÀY 18/4/2002 VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ,
XÁC NHẬN SỰ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM
VÀ HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Tổng thống nước Cộng hoà Pháp

Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng kinh tế, tài chính và công nghiệp, và Bộ trưởng được uỷ quyền về công nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thương mại, thủ công mỹ nghệ và tiêu dùng,

Căn cứ Chỉ thị số 98/34/CE ngày 22/6/1998, được sửa đổi, bổ sung theo Chỉ thị số 98/48/CE ngày 20/7/1998, quy định thủ tục thông tin về các chuẩn mực và quy định kỹ thuật và các quy định về dịch vụ của xã hội thông tin,

Căn cứ điều R.115-6 Bộ luật tiêu dùng,

Căn cứ Nghị định số 97-34 ngày 15/1/1997, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97-463 ngày 9/5/1997 và nghị định số 97-1205 ngày 19/12/1997 về việc phân cấp ra quyết định hành chính cá biệt,

Căn cứ Nghị định số 97-1184 ngày 19/12/1997, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 2001-143 ngày 15/2/2001 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành khoản 1 điều 2 Nghị định số 97-34 ngày 15/1/1997 về việc phân cấp ra quyết định hành chính cá biệt,

Căn cứ Nghị định số 2001-272 ngày 30/3/2001 hướng dẫn thi hành điều 1316-4 Bộ luật dân sự về chữ ký điện tử,

Sau khi lấy ý kiến của Tham chính viện và Hội đồng Bộ trưởng,

Nghị định

Điều 1

Sự an toàn của các sản phẩm hoặc các hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt khả năng của các sản phẩm và hệ thống này trong việc đảm bảo tính sẵn sàng, toàn vẹn hoặc bí mật của thông tin được xử lý trước những ý đồ xấu, có thể được xác nhận theo quy định của Nghị định này.

Các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng, trong chừng mực có thể và tùy thuộc nhu cầu về an toàn, các sản phẩm hoặc hệ thống công nghệ thông tin được xác nhận theo thủ tục quy định tại Nghị định này.

Chương I

Thủ tục đánh giá và xác nhận

Mục I

Đánh giá

Điều 2

Việc đánh giá để cấp giấy xác nhận theo quy định tại điều 1 được tiến hành trên cơ sở có đơn của người yêu cầu. Người yêu cầu phải gửi kèm theo đơn một hồ sơ đánh giá đến Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin. Hồ sơ chủ yếu bao gồm : bảng miêu tả hệ thống đảm bảo an toàn cần được đánh giá, các quy định được đưa ra nhằm đảm bảo hiệu quả tốt nhất của hệ thống đó và dự kiến chương trình đánh giá.

Ngay sau khi nhận được hồ sơ, nếu xét thấy rằng các mục đích đảm bảo an toàn không được người yêu cầu xác định một cách rõ ràng và thuyết phục trên cơ sở so sánh với các chuẩn mực, và tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc với các nguyên tắc ứng xử được áp dụng vào thời điểm đánh giá thì Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin phải thông báo cho người yêu cầu là không thể tiến hành xác nhận trên cơ sở hồ sơ hiện có.

Điều 3

Người yêu cầu đánh giá có thể lựa chọn một hoặc nhiều trung tâm đánh giá được trao thẩm quyền đánh giá theo những điều kiện được quy định tại Chương II. Trước khi tiến hành việc đánh giá, người yêu cầu phải cùng các trung tâm này xác định rõ:

- a) Sản phẩm hoặc hệ thống cần đánh giá cũng như những mục tiêu đảm bảo an toàn;
- b) Các điều kiện bảo vệ tính bí mật của các thông tin sẽ được xử lý trong quá trình đánh giá;
- c) Chi phí cho việc đánh giá và phương thức thanh toán chi phí đó;
- d) Chương trình làm việc và thời hạn đánh giá.

Người yêu cầu phải cung cấp cho các trung tâm đánh giá mà mình đã chọn và cho Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin, nếu cơ quan này có yêu cầu, tất cả các yếu tố cần thiết cho việc thực hiện tốt công tác đánh giá với sự đồng ý của các nhà sản xuất có liên quan nếu cần thiết.

Điều 4

Người yêu cầu có thể quyết định chấm dứt việc đánh giá vào bất cứ lúc nào. Các bên sẽ thỏa thuận về việc đền bù cho trung tâm đánh giá nếu cần thiết.

Điều 5

Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện công tác đánh giá. Cục có thể yêu cầu tham gia vào việc đánh giá hoặc yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến diễn biến của quá trình đánh giá vào bất cứ lúc nào.

Điều 6

Sau khi kết thúc các phần việc đánh giá, mỗi trung tâm gửi cho người yêu cầu và cho Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin một bản báo cáo đánh giá. Bản báo cáo này là một tài liệu mật và những thông tin trong báo cáo được bảo hộ như những bí mật công nghiệp và thương mại.

Mục II

Xác nhận

Điều 7

Người yêu cầu và Cục phụ trách sự an toàn của các hệ thống thông tin phối hợp với trung tâm đánh giá để duyệt các báo cáo đánh giá. Sau khi toàn bộ các báo cáo đã được duyệt, Cục phụ trách sự an toàn của các hệ thống thông tin lập báo các xác nhận trong thời hạn một tháng. Báo cáo phải nêu đầy đủ đặc tính các mục tiêu đảm bảo an toàn được đề nghị xác nhận để làm cơ sở cho việc cấp giấy xác nhận hoặc từ chối xác nhận.

Những người lập báo cáo xác nhận có thể ghi vào đó những cảnh báo cần thiết nhằm đảm bảo an toàn. Người yêu cầu có quyền quyết định thông báo hoặc không thông báo báo cáo này cho một bên thứ ba hoặc quyết định việc công bố công khai báo cáo.

Điều 8

Giấy xác nhận do Thủ tướng Chính phủ cấp.

Giấy xác nhận chứng nhận rằng mẫu sản phẩm hoặc hệ thống đã qua đánh giá đáp ứng được các đặc tính an toàn cụ thể. Giấy cũng chứng nhận rằng việc đánh giá đã được tiến hành một cách khách quan, đúng với các quy định và chuẩn mực hiện hành và theo đúng thẩm quyền.

Điều 9

Sau khi lấy ý kiến của Ủy ban phụ trách việc xác nhận, Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin có thể ký kết các hiệp định công nhận lẫn nhau với các tổ chức nước ngoài có thẩm quyền tương đương và có trụ sở ở bên ngoài các nước thành viên Liên Minh Châu Âu.

Trong các hiệp định đó có thể quy định rằng những giấy xác nhận được cấp bởi một cơ quan nước ngoài tham gia ký kết hiệp định theo trình tự và thủ tục giống với trình tự và thủ tục được quy định tại Nghị định này sẽ được công nhận là có giá trị tương đương với những giấy xác nhận được cấp theo quy định của Nghị định này. Việc công nhận các giấy xác nhận của nhau có thể được giới hạn ở một mức độ đảm bảo nhất định.

Không trái với các quy định điều chỉnh việc xác nhận các phương tiện tạo lập chữ ký điện tử an toàn nêu tại điểm 2°, khoản II điều 3 Nghị định ngày 30 tháng 3 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ có thể ra quyết định công nhận rằng các giấy xác nhận được các tổ chức có trụ sở tại một quốc gia thành viên Liên Minh Châu Âu cấp theo những trình tự và thủ tục tương đương và cho phép có được những đảm bảo tương đương là có giá trị tương đương so với các giấy xác nhận được cấp theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

Cấp phép hoạt động đối với các trung tâm đánh giá

Điều 10

Các trung tâm có thẩm quyền thực hiện việc đánh giá theo quy định tại Nghị định này được cấp phép hoạt động theo những điều kiện được quy định tại Chương này.

Điều 11

- I. Đơn xin cấp phép phải được gửi tới Cục phụ trách sự an toàn của các hệ thống thông tin. Trong đơn phải ghi rõ lĩnh vực muốn xin cấp phép hoạt động.
- II. Cơ quan xin cấp phép phải đáp ứng các điều kiện sau đây :
 - a) Có đủ khả năng đáp ứng các tiêu chí chất lượng theo các nguyên tắc và chuẩn mực công nhận hiện hành;
 - b) Có đủ khả năng áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá hiện hành và phương pháp đánh giá tương ứng cũng như khả năng đảm bảo bí mật trong quá trình đánh giá;
 - c) Có đủ trình độ kỹ thuật để thực hiện việc đánh giá.

Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định tại điểm a và khả năng quy định tại điểm b được xác minh thông qua một giấy xác nhận được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền theo những thủ tục quy định tại điều R 115-6 Bộ luật tiêu dùng hoặc bởi một cơ quan nước ngoài tương đương.

Trình độ kỹ thuật quy định tại điểm c do Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin xác minh, chủ yếu trên cơ sở các phương tiện, nguồn lực và kinh nghiệm của trung tâm đánh giá.

Điều 12

Giấy phép hoạt động do Thủ tướng Chính phủ cấp sau khi đã xem xét ý kiến của Ủy ban phụ trách việc xác nhận.

Giấy phép hoạt động có thể quy định những nghĩa vụ đặc biệt của trung tâm đánh giá.

Giấy phép hoạt động có hiệu lực trong thời hạn 2 năm và có thể gia hạn tiếp.

Điều 13

Một trung tâm đánh giá nằm ngoài lãnh thổ quốc gia hoặc nằm ngoài lãnh thổ của các quốc gia thành viên Liên Minh Châu Âu có thể được Thủ tướng Chính phủ công nhận được phép hoạt động sau khi đã xem xét ý kiến của Ủy ban phụ trách việc xác nhận nếu trung tâm đó đã được các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi trung tâm có trụ sở cấp giấy phép theo một trình tự thủ tục tương ứng với thủ tục quy định tại chương này. Giấy phép hoạt động do Thủ tướng Chính phủ cấp có hiệu lực trong thời hạn 2 năm, có thể gia hạn tiếp và có thể được giới hạn ở một mức độ bảo đảm nhất định.

Một trung tâm đánh giá nằm trên lãnh thổ của một quốc gia thành viên Liên Minh Châu Âu có thể được Thủ tướng Chính phủ công nhận được phép hoạt động sau khi đã xem xét ý kiến của Ủy ban phụ trách việc xác nhận nếu trung tâm đó đã được các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên đó cấp giấy phép hoạt động theo một trình tự thủ tục tương đương.

Điều 14

Vào bất cứ lúc nào, Cục phụ trách sự an toàn của các hệ thống thông tin đều có thể kiểm tra xem các trung tâm đánh giá có tiếp tục thoả mãn được những điều kiện để cấp phép ban đầu hay không.

Nếu một trung tâm không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại điều 11 hoặc nếu trung tâm đó không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong giấy phép hoạt động thì Ủy ban phụ trách việc xác nhận có thể cho ý kiến để Thủ tướng Chính phủ thu hồi lại giấy phép hoạt động. Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động chỉ có thể được tuyên bố sau khi đại diện của trung tâm đánh giá đã trình bày đầy đủ những quan điểm, nhận xét của mình trước Ủy ban phụ trách việc xác nhận.

Chương III

Ủy ban phụ trách việc xác nhận về sự an toàn của các công nghệ thông tin

Điều 15

Ủy ban phụ trách việc xác nhận về sự an toàn của các công nghệ thông tin có những nhiệm vụ chính sau đây:

- a) Cho ý kiến và đưa ra những đề xuất về chính sách xác nhận, về các quy tắc và chuẩn mực được sử dụng cho việc đánh giá, xác nhận và về các hướng dẫn kỹ thuật dành cho công chúng;
- b) Cho ý kiến về việc cấp và thu hồi giấy phép hoạt động đối với các trung tâm đánh giá;
- c) Xem xét nhằm mục đích hòa giải mọi tranh chấp liên quan đến các thủ tục đánh giá được quy định tại Nghị định này nếu có yêu cầu của các bên;
- d) Cho ý kiến về việc ký kết các hiệp định công nhận lẫn nhau với các tổ chức nước ngoài theo quy định tại điều 9.

Nhiệm vụ quy định tại điểm c trên đây có thể được Ủy ban giao cho một thành viên của mình đảm nhiệm. Khi thực hiện nhiệm vụ này nhất định phải lấy lời khai của các bên.

Điều 16

Ủy ban phụ trách việc xác nhận về sự an toàn của các công nghệ thông tin do Tổng thư ký phụ trách quốc phòng hoặc người đại diện làm chủ tịch. Ngoài chủ tịch, thành phần của Ủy ban còn bao gồm :

- a) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ;
- b) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ;
- c) Một đại diện của Bộ trưởng Ngoại giao ;
- d) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ;
- e) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ;
- f) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Kinh tế ;
- g) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Lao động ;
- h) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Y tế ;

- i) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ giáo dục ;
- j) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ Thông tin ;
- k) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ cải cách Nhà nước ;
- l) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ giao thông ;
- m) Một đại diện của Bộ trưởng Bộ nghiên cứu khoa học.

Khi Ủy ban xem xét đến các vấn đề liên quan đến các phương tiện phục vụ việc sáng tạo và kiểm tra chữ ký điện tử như quy định tại điều 1 Nghị định ngày 30 tháng 3 năm 2001, Ủy ban còn có thêm 12 thành viên có trình độ chuyên môn cao được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 3 năm bằng quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chức năng thư ký cho Ủy ban do Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin đảm nhiệm.

Điều 17

Chủ tịch triệu tập các phiên họp của Ủy ban và quyết định nội dung của mỗi phiên họp.

Chủ tịch có thể mời bất kỳ chuyên gia hoặc nhà chuyên môn nào nếu xét thấy sự tham gia thảo luận của người đó là cần thiết.

Ủy ban phải báo cáo hoạt động của mình với Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18

Hàng năm, Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin phải báo cáo với Ủy ban phụ trách việc xác nhận về hoạt động của Cục liên quan đến việc áp dụng Nghị định này.

Chương IV

Các quy định chuyển tiếp

Điều 19

Trong phần "An ninh và quốc phòng" thuộc khoản 2 trong Phụ lục của Nghị định số 97-1184 ra ngày 19 tháng 12 năm 1997, sau bảng liên quan đến Nghị định số 2001-143 ra ngày 15 tháng 2 năm 2001, sẽ thêm vào các từ và bảng sau :

" Nghị định số 2002-535 ngày 18/4/2002 về việc đánh giá, xác nhận sự an toàn của các sản phẩm và hệ thống công nghệ thông tin

Có thể tra cứu bảng trong Công báo số 92 ra ngày 19/04/2002, trang 6944 đến 6946

Điều 20

Nghị định ngày 30 tháng 3 năm 2001 được sửa đổi như sau :

I- Điểm 1^o khoản II điều 3 được thay thế bằng những quy định sau:

" 1^o Bỏ Thủ tướng Chính phủ, trong những điều kiện quy định tại Nghị định số 2002-535 ngày 18/4/2002 về việc đánh giá, xác nhận sự an toàn của các sản phẩm và hệ thống công nghệ thông tin. Việc cấp giấy xác nhận hợp chuẩn được công bố công khai"

II- Điều 4 được thay thế bằng các quy định sau :

" Điều 4 : Việc áp dụng các thủ tục đánh giá và xác nhận được quy định tại điểm 1 □ khoản II điều 3 được tiến hành trong những điều kiện được quy định tại Nghị định số 2002-535 ngày 18/4/2002 về việc đánh giá, xác nhận sự an toàn của các sản phẩm và hệ thống công nghệ thông tin".

III- Tại khoản 1 điều 5, các từ : "Quyết định" được thay thế bằng từ "Nghị định".

IV- Tại khoản 2 điều 7, xoá cụm từ " theo quy định của Thủ tướng Chính phủ ".

V- Tại điểm 1 khoản II điều 9, các từ "của các cơ quan công quyền được chỉ định theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động dưới quyền quản lý của các cơ quan của Thủ tướng Chính phủ phụ trách vấn đề an toàn của các hệ thống thông tin" được thay thế bằng các từ sau : " của Cục phụ trách về sự an toàn của các hệ thống thông tin".

Điều 21

Các giấy xác nhận và giấy phép hoạt động của các trung tâm đánh giá được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực trong khuôn khổ áp dụng các quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp xác nhận về sự an toàn của các sản phẩm tin học được công bố trên Công báo ngày 1 tháng 9 năm 1995 sẽ được công nhận là đã được cấp theo quy định tại Nghị định này.

Điều 22

Nghị định này cũng được áp dụng tại:

- a) Đảo Nouvelle-Calédonie và đảo Polynésie thuộc Pháp, liên quan đến chữ ký điện tử ;
- b) Quần đảo Wallis và Futana thuộc tỉnh Mayotte.

Điều 23

Các quy định tại Nghị định này có thể được sửa đổi bằng Nghị định, trừ các quy định tại :

- a) Đoạn 1 các điều 8 và 12, đoạn 2 điều 14 và điều 19. Các quy định này có thể được sửa đổi theo những điều kiện quy định tại điều 2 Nghị định ngày 15 tháng 1 năm 1997;
- b) Điều 20.

Điều 24

Nghị định này sẽ được công bố trên Công báo nước Cộng hoà Pháp.

**Tổng thống
Jacques Chirac**

